



BỘ CÔNG THƯƠNG

VĂN KIẾN DỰ ÁN

**Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng
lượng trong lĩnh vực công nghiệp và hỗ trợ thực hiện Kế
hoạch hành động tăng trưởng xanh Việt Nam**

Hà Nội, tháng 3 năm 2021

Mục lục

Các từ viết tắt.....	3
I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN.....	4
II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN.....	4
III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI.....	15
IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.....	16
V. MÔ TẢ DỰ ÁN.....	16
VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG.....	22
VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN.....	23
VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	28
IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN.....	29
X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI.....	35

Các từ viết tắt

BCT	Bộ Công Thương
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
ESCO	Công ty dịch vụ năng lượng
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
KNK	Khí nhà kính
KOICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc
Luật SDNLTKHQ	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
MACC	Đường cong chi phí biên giảm phát thải
NDC	Đóng góp do Quốc gia tự quyết định
NLTT	Năng lượng tái tạo
SDNLTKHQ	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
TKNL	Tiết kiệm năng lượng
TOE	Tấn dầu tương đương
PGGAP	Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VNEEP3	Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030
WB	Ngân hàng thế giới

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên Dự án: Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh Việt Nam (Tên tiếng Anh: Promoting energy efficiency investment market in the industrial sector and supporting the National Green Growth Action Plan of Vietnam)

2. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ Dự án:

- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương – Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Chủ Dự án: Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương – Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Nhà tài trợ nước ngoài: Chính phủ Hàn Quốc thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (Korea International Cooperation Agency – KOICA).

4. Thời gian dự kiến thực hiện Dự án: 54 tháng từ 2021 đến 2025.

5. Địa điểm thực hiện Dự án: toàn quốc.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của Dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương

Trong ba thập niên gần đây, nhờ những cải cách mạnh mẽ về chính trị và kinh tế, Việt Nam đã luôn duy trì được mức tăng trưởng GDP cao ấn tượng trong khu vực và trên thế giới. Cụ thể, tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2001-2010 là 7,26%/năm, giai đoạn 2011-2018 là 6,2%/năm. Nhờ thành tựu tăng trưởng kinh tế, đời sống của người dân đã được cải thiện rõ rệt, sự nghiệp văn hóa - giáo dục - y tế và các lĩnh vực có nhiều tiến bộ đáng kể. Thu nhập bình quân trên đầu người của Việt Nam từ mức khoảng 100 đôla Mỹ trong thập niên 80, đến năm 2008 nước ta đã thoát ra khỏi nhóm các nước thu nhập thấp, ước tính năm 2019 sẽ đạt khoảng 2.800 đôla Mỹ. Việt Nam có mức giảm ấn tượng về tỷ lệ đói nghèo, từ 58,1% vào năm 1993 xuống mức 4% năm 2019.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngành năng lượng Việt Nam giữ vai trò đặc biệt quan trọng ví như máu nuôi cơ thể, đáp ứng nhu cầu năng lượng cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng cung năng lượng sơ cấp toàn quốc năm 2017 là 72,688 triệu TOE. Tương ứng, tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng toàn quốc năm 2017 là 59,681 triệu TOE, trong

đó ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều nhất là 31,738 triệu TOE (chiếm tỷ trọng 53,18%), tiếp đến là ngành vận tải 13,719 triệu TOE (chiếm tỷ trọng 23%), tiêu thụ cho dân dụng đứng thứ 3 là 9,877 triệu TOE (chiếm tỷ trọng 16,5%). Cường độ năng lượng của Việt Nam là 289,6 – 270 kgOE/1000 USD trong giai đoạn 2010 – 2015 và 399-409 kgOE/1000 USD trong giai đoạn 2015-2017 cao gấp 2 lần so với thế giới.

Tuy nhiên, trong bối cảnh các nguồn tài nguyên năng lượng trong nước đang dần cạn kiệt nhưng phải đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng trưởng cao, thì vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng đang là thách thức lớn cho ngành năng lượng Việt Nam. Theo dự báo cân đối cung cầu năng lượng, nước ta sẽ là quốc gia nhập khẩu ròng về than, khí thiên nhiên và kể cả khí hóa lỏng (LNG) sớm hơn dự kiến. Để đảm bảo an ninh năng lượng và hạn chế phụ thuộc quá lớn vào nguồn nhiên liệu nhập khẩu, giải pháp ưu tiên hàng đầu là thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vì đây là giải pháp đầu tư phát triển rẻ nhất so với đầu tư từ các nguồn năng lượng phức tạp và tốn kém khác kèm thêm hệ thống truyền tải phân phối năng lượng và tổn thất vận hành liên quan. Về phía cung, cần phải đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng “xanh” theo xu thế phát triển tất yếu của thế giới.

Để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (SDNLTKHQ), đặc biệt là đối với các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn tiêu thụ nhiều năng lượng và thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính của Thỏa thuận Paris, ngày 13/3/2019 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 (VNEEP3) tại Quyết định số 280/QĐ-TTg. Chương trình đưa ra mức tiết kiệm năng lượng từ 8-10% tổng tiêu thụ năng lượng thương mại trong giai đoạn 2019-2030, các mục tiêu cụ thể nhằm đạt mức giảm tiêu thụ năng lượng trong các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng từ 6,8% lên tới 24,81% theo ngành/phân ngành.

Nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và hiệu quả kinh tế chung của hệ thống điện quốc gia, góp phần phát triển bền vững ngành điện và bảo vệ môi trường, ngày 8/3/2018 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 279/QĐ-TTg. Chương trình đặt mục tiêu giảm công suất phụ tải đỉnh của hệ thống điện quốc gia khoảng 300 MW vào năm 2020, 1.000 MW vào năm 2025 và 2.000 MW vào năm 2030; hệ số phụ tải hệ thống điện quốc gia tăng từ 1%÷2% trong cả giai đoạn 2018 - 2020 và 3%÷4% trong cả giai đoạn từ 2021 – 2030.

Cập nhật mới nhất, ngày 11/02/2020 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Một số mục tiêu cụ thể của Nghị quyết như sau:

- *Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng trong nước, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030; trong đó, năng*

lượng sơ cấp đến năm 2030 đạt khoảng 175 - 195 triệu TOE, đến năm 2045, đạt khoảng 320 - 350 triệu TOE; tổng công suất của các nguồn điện đến năm 2030 đạt khoảng 125 - 130 GW, sản lượng điện đạt khoảng 550 - 600 tỉ KWh.

- Tỷ lệ các nguồn NLTT trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045.

- Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đến năm 2030 đạt mức 105 - 115 triệu TOE, năm 2045 đạt mức 160 - 190 triệu TOE. Cường độ năng lượng sơ cấp năm 2030 đạt từ 420 - 460 kgOE/1.000 USD GDP, năm 2045 từ 375 - 410 kgOE/1.000 USD GDP.

- Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc топ 4 nước dẫn đầu ASEAN, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc топ 3 nước dẫn đầu ASEAN.

- Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu trong nước; bảo đảm mức dự trữ chiến lược xăng dầu đạt tối thiểu 90 ngày nhập ròng. Đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) khoảng 8 tỉ m³ vào năm 2030 và khoảng 15 tỉ m³ vào năm 2045.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15% vào năm 2030, lên mức 20% vào năm 2045.

Theo khuyến cáo của các tổ chức môi trường, biến đổi khí hậu (BĐKH) của thế giới, Việt Nam là quốc gia sẽ bị tổn thương trước tác động của BĐKH. Trong những năm gần đây, về diễn biến của BĐKH, số liệu thống kê cho thấy những kỷ lục mới “mưa lớn kỷ lục”, “nắng nóng kỷ lục”, “kỷ lục về lũ lụt” đã và đang xuất hiện ngày càng phổ biến ở Việt Nam. Do đó, Chính phủ Việt Nam coi ứng phó với BĐKH là một nhiệm vụ trọng tâm, cần chủ động triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH. Việt Nam cũng nỗ lực tham gia vào cuộc chiến ứng phó với BĐKH của thế giới. Tại Hội nghị COP 21 Việt Nam cùng với 170 nước tham gia ký kết Thỏa thuận Paris (hiệu lực thực hiện từ ngày 04/11/2016) với cam kết đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK). Theo đó, Việt Nam cam kết đóng góp với mục tiêu giảm 8% lượng phát thải KNK vào năm 2030 từ các nguồn lực của quốc gia và có thể giảm đến 25% lượng phát thải KNK nếu có sự hỗ trợ của quốc tế.

Để hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết NDC của Thỏa thuận Paris, Chính phủ Hàn Quốc thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (Korea International Cooperation Agency – KOICA) đã tài trợ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại với tổng số tiền là 1,9 triệu USD cho Việt Nam để thực

hiện Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2019”, thời gian thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2019.

Cơ quan chủ quản Dự án là Bộ Công Thương Việt Nam và chủ Dự án là Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững của Bộ Công Thương. Mục tiêu tổng quát của Dự án là hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy phát triển thị trường đầu tư SDNLTKHQ trong lĩnh vực công nghiệp. Dự án gồm 03 Hợp phần: Hợp phần 1- Xây dựng năng lực phát triển dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp; Hợp phần 2 - Xác định các dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp (giai đoạn thí điểm I); Hợp phần 3 - Hỗ trợ thực hiện các dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp (giai đoạn thí điểm II). Các kết quả thực hiện của Dự án đạt mục tiêu thiết kế ban đầu, cụ thể là: thực hiện đào tạo có chứng chỉ về phát triển dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp cho cán bộ quản lý liên quan đến lĩnh vực SDNLTKHQ, cán bộ kỹ thuật của các công ty dịch vụ năng lượng và các trung tâm tiết kiệm năng lượng (TKNL) tại Hàn Quốc và Việt Nam; tính đến cuối 2018, thực hiện kiểm toán năng lượng tại 10 dự án được lựa chọn trong Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2017 và phân tích đánh giá cơ hội đầu tư giải pháp TKNL dựa trên kết quả kiểm toán năng lượng cho doanh nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như lọc dầu, xi măng, thép, nhà máy điện, dệt may, chế biến thực phẩm, cao su, sản xuất giấy; hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp thực hiện chuẩn bị đầu tư cho dự án TKNL bao gồm lập báo cáo nghiên cứu khả thi - phê duyệt đầu tư- hướng dẫn lập hồ sơ và thủ tục vay vốn đầu tư dự án TKNL trong lĩnh vực công nghiệp. Cụ thể đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư giải pháp TKNL (FS) cho Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại để Công ty xem xét ra quyết định đầu tư, hỗ trợ lập Hồ sơ vay vốn, tư vấn kết nối các đơn vị cung cấp tài chính, đơn vị tài trợ để dự án tiết kiệm năng lượng theo quy định. Thành công của Dự án là nâng cao năng lực cho các công ty dịch vụ năng lượng về tìm kiếm dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng; kết nối các công ty công nghiệp, các ngân hàng, đơn vị tài trợ, hỗ trợ tư vấn thực hiện các dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng; báo cáo tổng kết giai đoạn thí điểm và khuyến nghị chính sách; tài trợ bộ thiết bị kiểm toán năng lượng. Tuy nhiên, việc chuẩn bị đầu tư dự án TKNL đã lập FS theo quy định hiện hành bao gồm lập báo cáo nghiên cứu khả thi - phê duyệt đầu tư- hướng dẫn lập hồ sơ và thủ tục vay vốn đầu tư dự án TKNL - đấu thầu chọn công ty dịch vụ năng lượng để thực hiện tính đến cuối năm 2019 vẫn chưa hoàn thành.

Từ kết quả thành công của Dự án với KOICA giai đoạn 2018-2019, Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam muốn tiếp tục hợp tác với KOICA để hỗ trợ thúc đẩy thị trường đầu tư cho dự án TKNL cho lĩnh vực công nghiệp, hỗ trợ các hoạt động của Chương trình VNEEP3 và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh Việt Nam. Theo đó, Chính phủ Hàn Quốc mong muốn tiếp tục tài trợ từ nguồn ODA viện trợ không hoàn lại với tổng số tiền là 6,4 triệu USD, thông qua KOICA để hỗ trợ Việt Nam thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công

ng nghiệp Việt Nam và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh”, dự kiến thời gian thực hiện là 2021 - 2025. Mục tiêu tổng quát của Dự án là đóng góp vào mục tiêu quốc gia về: (i) giảm cường độ năng lượng bằng cách cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam; (ii) đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế và xã hội; (iii) giảm phát thải khí nhà kính để ứng phó với biến đổi khí hậu. Dự án giai đoạn 2021-2025 tập trung vào hoạt động: thúc đẩy phát triển thị trường đầu tư SDNLTKHQ trong lĩnh vực công nghiệp từ tìm kiếm dự án tiềm năng và nguồn tài chính để đầu tư dự án tiết kiệm năng lượng ở doanh nghiệp công nghiệp; xây dựng và sửa đổi khung pháp lý quy định định mức tiêu hao năng lượng cho lĩnh vực tiêu hao nhiều năng lượng, hướng dẫn kỹ thuật về tăng trưởng xanh cho một số ngành, lĩnh vực; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý năng lượng, đơn vị tư vấn và công ty dịch vụ TKNL về công nghệ TKNL, đầu tư và quản lý tài chính dự án TKNL; xây dựng Kế hoạch hành động cấp tỉnh, lĩnh vực về tăng trưởng xanh để đảm bảo thống nhất với Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; quảng bá tuyên truyền kết quả hoạt động của dự án. Kết quả các hoạt động của Dự án sẽ đóng góp vào thực hiện mục tiêu của Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 (VNEEP3), Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

2. Mối quan hệ với các chương trình, Dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án

Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 có mối quan hệ với các chương trình, dự án khác như sau:

- “Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030” (VNEEP3): Để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và thực hiện cam kết Thỏa thuận Paris, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019. Chương trình được thực hiện thành hai giai đoạn 2019-2025 và 2026-2030, với mục tiêu tiết kiệm 5-7% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc trong giai đoạn 2019-2025 và 8-10% giai đoạn 2019-2030, phân bổ mục tiêu cụ thể cho các lĩnh vực, các ngành/phân ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng. Chương trình đưa ra các nhiệm vụ chủ yếu: Rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về SDNLTKHQ; Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về SDNLTKHQ đối với các hoạt động như sản xuất, chế tạo, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất,...; Xây dựng trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam, các cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin về năng lượng và SDNLTKHQ; Tăng cường năng lực về SDNLTKHQ; Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật về SDNLTKHQ; Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về SDNLTKHQ.... Tổng kinh phí

dự kiến để thực hiện Chương trình ước khoảng 4.400 tỷ đồng. Trong đó, nguồn ODA viện trợ không hoàn lại dự kiến sử dụng cho hỗ trợ kỹ thuật. Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 dự kiến tham gia vào các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của VNEEP3 nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư TKNL cho lĩnh vực công nghiệp và tăng cường năng lực cho công ty dịch vụ TKNL thực hiện đầu tư dự án TKNL.

- “Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, có xét đến năm 2030” (Chương trình quốc gia về DSM): Để đảm bảo an ninh cung cấp điện, an ninh năng lượng và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả năng lượng với các giải pháp tập trung về phía cầu - phụ tải điện, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 08/3/2018. Chương trình được thực hiện với mục tiêu phấn đấu giảm công suất phụ tải đỉnh của hệ thống điện quốc gia khoảng 300MW vào năm 2020, 1000MW vào năm 2025 và 2000MW vào năm 2030 thông qua triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về DSM. Chương trình đưa ra các nhiệm vụ chủ yếu: xây dựng và hoàn thiện đầy đủ khung pháp lý để thực hiện Chương trình quốc gia về DSM; đẩy mạnh các chương trình, hoạt động để nâng cao nhận thức của xã hội, khách hàng sử dụng điện và đơn vị điện lực về Chương trình quốc gia về DSM; thực hiện các Chương trình DSM, Chương trình điều chỉnh phụ tải điện. Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 cũng nhằm tăng cường năng lực cho công ty dịch vụ TKNL (ESCO) để có thể ký kết hợp đồng và chia sẻ lợi ích với doanh nghiệp khi thực hiện đầu tư dự án TKNL, do đó góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình quốc gia về DSM.

- Dự án “Hiệu quả năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam” (VEEIEs): Dự án do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ với tổng kinh phí là 158 triệu USD và được thực hiện trong giai đoạn 2017-2022 để hỗ trợ cho vay đầu tư các dự án tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp và 1,7 triệu USD để thực hiện các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cần thiết trong quá trình thực hiện dự án. Dự án cung cấp các khoản vay cho đầu tư các dự án hiệu quả năng lượng, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp công nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận với nguồn tài chính trung và dài hạn, góp phần đạt được mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải KNK. Dự án VEEIEs có mối quan hệ chặt chẽ, mối quan hệ hữu cơ với Dự án KOICA giai đoạn 2021-2025 vì Dự án VEEIEs cung cấp nguồn tài chính, khoản vay để đầu tư vào dự án TKNL của doanh nghiệp công nghiệp mà Dự án KOICA cần nguồn tài chính để thực hiện đầu tư.

- Dự án “Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành Công nghiệp Việt Nam” (VSUEE) do Quỹ khí hậu xanh (GCF) tài trợ thông qua Ngân hàng Thế giới (World Bank) với tổng kinh phí là 11,45 triệu USD viện trợ không hoàn lại, trong đó 3 triệu USD dùng để triển khai các hoạt động của Quỹ chia sẻ rủi ro và 8,3 triệu USD dùng để hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện từ tháng 6 năm 2019 đến tháng

12 năm 2024. Mục tiêu Dự án là nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam thông qua huy động tài chính thương mại, góp phần đạt mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng và mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu. Dự án gồm hai hợp phần: Hợp phần 1 – Vận hành Quỹ chia sẻ rủi ro (Risk Sharing Facility - RSF); Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực cho các bên tham gia Dự án, xây dựng và hoàn thiện khung chính sách, hướng dẫn thực hiện, hỗ trợ các hoạt động tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu. Dự án VSUEE có mối liên quan chặt chẽ với Dự án VEEIEs để hỗ trợ, chia sẻ rủi ro cho các dự án đầu tư TKNL. Do đó, Dự án VEEIEs và Dự án VSUEE có gắn kết quan trọng với Dự án KOICA, cung cấp nguồn tài chính và chia sẻ rủi ro cho các dự án đầu tư giải pháp TKNL và thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

- Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam”: Chính phủ Hàn Quốc thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc đã tài trợ với tổng số tiền là 1,9 triệu USD hỗ trợ kỹ thuật thực hiện Dự án từ tháng 1/2018 - tháng 12/2019. Mục tiêu tổng quát của Dự án là hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy phát triển thị trường đầu tư SDNLTKHQ trong lĩnh vực công nghiệp. Dự án gồm 03 Hợp phần: Hợp phần 1- Xây dựng năng lực phát triển dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp; Hợp phần 2 - Xác định các dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp (giai đoạn thí điểm I); Hợp phần 3 - Hỗ trợ thực hiện các dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp (giai đoạn thí điểm II). Dự án đã kết thúc hoạt động vào cuối tháng 2 năm 2020. Các kết quả thực hiện của Dự án đạt mục tiêu, khung kết quả thiết kế, cụ thể là: thực hiện đào tạo có chứng chỉ về phát triển dự án đầu tư SDNLTKHQ trong công nghiệp cho cán bộ quản lý liên quan đến lĩnh vực SDNLTKHQ, cán bộ kỹ thuật của các công ty dịch vụ năng lượng và các trung tâm TKNL tại Hàn Quốc và Việt Nam; tính đến cuối năm 2018, thực hiện kiểm toán năng lượng tại 10 dự án được lựa chọn trong Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2017 và phân tích đánh giá cơ hội đầu tư giải pháp tiết kiệm năng lượng (TKNL) dựa trên kết quả kiểm toán năng lượng; hỗ trợ kỹ thuật doanh nghiệp thực hiện chuẩn bị đầu tư cho dự án TKNL bao gồm lập báo cáo nghiên cứu khả thi - phê duyệt đầu tư- hướng dẫn lập hồ sơ và thủ tục vay vốn đầu tư dự án TKNL trong lĩnh vực công nghiệp. Cụ thể, hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư giải pháp TKNL cho Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại để Công ty xem xét ra quyết định đầu tư, hỗ trợ lập Hồ sơ vay vốn, tư vấn kết nối các đơn vị cung cấp tài chính, đơn vị tài trợ để dự án tiết kiệm năng lượng theo quy định. Thành công của Dự án là cơ sở để Bộ Công Thương đề xuất tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật với KOICA “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh”.

- Dự án “Chương trình Hợp tác Đối tác Năng lượng Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2017-2020” (Chương trình DEPP2): Chương trình DEPP2 do Chính phủ Đan Mạch tài trợ với tổng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại là 21,6 triệu DKK (tương đương 3,15 triệu USD), thực hiện từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 06 năm 2020. Mục tiêu tổng quát của Chương trình là hỗ trợ kỹ thuật để triển khai ứng dụng rộng rãi các cơ hội chuyển đổi carbon thấp, tối ưu về chi phí trong hệ thống năng lượng nhằm giảm phát thải KNK theo cam kết NDC cho Việt Nam. Chương trình gồm 03 Hợp phần, trong đó Hợp phần 1 hỗ trợ nâng cao năng lực về quy hoạch ngành năng lượng dài hạn, Hợp phần 2 hỗ trợ nâng cao năng lực tích hợp nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, Hợp phần 3 hỗ trợ phát triển carbon thấp trong ngành công nghiệp. Như vậy, Dự án với KOICA được hưởng lợi từ thể chế, khung pháp lý từ kết quả của Chương trình DEPP2 để triển khai hiệu quả các hoạt động của Dự án KOICA về quản lý chất lượng kiểm toán năng lượng, tăng tỷ trọng nguồn NLTT.

- Dự án “Chương trình Hợp tác Đối tác Năng lượng Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2020-2025” (Chương trình DEPP3): Chính phủ Đan Mạch mong muốn tiếp tục tài trợ cho Việt Nam với tổng số tiền 60,29 triệu DKK (tương đương 8,96 triệu USD) sử dụng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại, dự kiến triển khai từ cuối năm 2020 đến tháng 6/2025. Mục tiêu tổng quát của Chương trình DEPP3 là: “Hỗ trợ Việt Nam xây dựng lộ trình phát triển carbon thấp cho ngành năng lượng phù hợp với cam kết giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao mục tiêu NDC và tăng cường các giải pháp liên quan vào năm 2025”. Chương trình DEPP3 gồm 03 hợp phần, trong đó Hợp phần 1: Nâng cao năng lực về quy hoạch ngành năng lượng dài hạn; Hợp phần 2: Nâng cao năng lực tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện; Hợp phần 3: Phát triển carbon thấp trong ngành công nghiệp. Chương trình DEPP3 tiếp tục theo đuổi mục tiêu chung với Chương trình DEPP2 nhưng với tham vọng và mục tiêu cao hơn về giảm phát thải KNK. Hợp phần 3 hỗ trợ xây dựng cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy hoạt động SDNLTKHQ ở lĩnh vực công nghiệp. Do vậy, Chương trình DEPP3 hỗ trợ xây dựng khung pháp lý, thể chế quan trọng để thúc đẩy thực hiện Dự án với KOICA nhằm thu hút đầu tư cho giải pháp TKNL và tăng tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo để thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ngành năng lượng.

- Dự án “Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng (4E): Dự án do Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Đức tài trợ, thực hiện từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2021 để hỗ trợ kỹ thuật xây dựng khung pháp lý, quy định và thể chế cũng như nâng cao năng lực liên quan nhằm thúc đẩy đầu tư vào Năng lượng Tái tạo và Hiệu quả Năng lượng. Dự án chia ra giai đoạn 1 từ 2015-2018 và giai đoạn 2 từ 2018-2021, trong đó hoạt động của giai đoạn 2 có thêm đồng tài trợ từ Liên minh Châu Âu (EU). Giai đoạn 1 tập trung vào hỗ trợ liên quan tới quy hoạch điện mặt trời và năng lượng sinh khối quốc gia, nâng cao năng lực cho cơ quan hoạch định chính sách và nhà đầu tư phát triển dự án điện. Giai đoạn 2 tập trung hỗ trợ tiếp các nội dung của giai đoạn 1 về NLTT và các hoạt động hỗ trợ kỹ

thuật Ngành Năng lượng Việt Nam (EVEF) của EU (các hỗ trợ kỹ thuật theo nhu cầu của Việt Nam; thiết lập và duy trì hoạt động Ban thư ký Nhóm đối tác Năng lượng Việt Nam (VEPG); trong đó Nhóm Công tác kỹ thuật 1 (TWG 1) về Năng lượng tái tạo và Nhóm Công tác kỹ thuật 2 (TWG 2) về Tiết kiệm năng lượng có các hoạt động khuyến nghị chính sách, cung cấp thông tin, liên kết các tổ chức liên quan góp phần thúc đẩy thực hiện Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025.

- Dự án “Chương trình Năng lượng phát thải thấp Việt Nam” (V-LEEP): Chương trình do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ bằng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại khoảng 9,37 triệu USD thực hiện trong giai đoạn 2015-2020. Chương trình hỗ trợ Việt Nam xây dựng chiến lược, quy hoạch liên quan tới phát triển phát thải thấp; đơn giản hóa quy trình thủ tục liên quan tới đầu tư dự án và mua bán điện cho nguồn NLTT; áp dụng công nghệ năng lượng phát thải thấp cho một số lĩnh vực công nghiệp. Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 được hưởng lợi từ Dự án này nhờ khung pháp lý, thể chế và các giải pháp nhằm tăng tỷ trọng tích hợp nguồn NLTT vào hệ thống điện và thúc đẩy đầu tư công nghệ tiên tiến TKNL thông qua cơ chế khuyến khích và áp dụng các công nghệ TKNL trong công nghiệp theo hướng giảm phát thải KNK và tăng trưởng xanh.

Mối liên quan giữa Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 với các chương trình, dự án nêu trên là căn cứ nhằm đảm bảo phân bổ hợp lý các hoạt động của các dự án/chương trình từ các nhà tài trợ theo kế hoạch chung của Bộ Công Thương và đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ ODA.

3. Sự cần thiết của Dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ Dự án)

Trong bối cảnh hiện nay, có rất nhiều thách thức đặt ra cho phát triển ngành năng lượng của Việt Nam, đó là: tiêu thụ năng lượng có tốc độ tăng trưởng cao so với khu vực và thế giới; các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước (than, dầu, khí) đã cạn kiệt, tiềm năng thương mại của thủy điện cũng đã cơ bản được khai thác sử dụng, nguồn cung năng lượng trong nước không thể cân đối đáp ứng nhu cầu tiêu thụ; trong giai đoạn trước mắt từ 2020 đến 2025, vấn đề đảm bảo cung cấp điện được dự báo sẽ rất căng thẳng khi cung không đáp ứng đủ cầu; trong cân đối dài hạn, nước ta sẽ là quốc gia nhập khẩu ròng về than, khí thiên nhiên và kể cả khí hóa lỏng (LNG) sớm hơn dự kiến. Hơn bất cứ lúc nào, vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng đang là mối quan tâm hàng đầu của Việt Nam.

Để đảm bảo an ninh năng lượng và hạn chế phụ thuộc quá lớn vào nguồn nhiên liệu nhập khẩu, giải pháp ưu tiên hàng đầu là thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả vì đây là giải pháp đầu tư rẻ nhất, theo ước tính thì chi phí để tiết kiệm 1kWh chỉ bằng 1/4 so với chi phí để sản xuất thêm 1kWh đó. Hiện trạng sử dụng năng lượng của Việt Nam là chưa hiệu quả và lãng phí, các chỉ

tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng trong phát triển kinh tế (cường độ năng lượng, cường độ điện năng) của nước ta rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Theo đánh giá của chuyên gia WB, các ngành công nghiệp của Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 53% tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng (Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2017) nhưng có tiềm năng tiết kiệm năng lượng lên tới 25 - 40%. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ra đời đã gần 10 năm, các văn bản pháp luật hướng dẫn Luật (nghị định, thông tư, định mức...) cơ bản đã đầy đủ, tuy nhiên tình trạng tuân thủ quy định Luật còn chưa cao và chưa nghiêm, quản lý nhà nước ở một số nơi còn bị buông lỏng, việc thực hiện Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Có một số nguyên nhân cơ bản sau: quy định pháp luật mang tính tự nguyện thực hiện SDNLTKHQ không còn phù hợp trước bối cảnh hiện nay, một số quy định thiếu hướng dẫn chi tiết và khả thi áp dụng, một số hành vi và chế tài xử lý không tuân thủ còn yếu và thiếu; ở nhiều địa phương, quản lý nhà nước lĩnh vực SDNLTKHQ có tình trạng thiếu nhân lực và đòi hỏi hỗ trợ tư vấn, chuyên gia; các doanh nghiệp còn có những băn khoăn, khó khăn trong việc tham gia thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cũng như tham gia Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện; chưa có cơ chế khuyến khích (thuế, phí, giá...) để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các giải pháp SDNLTKHQ hoặc tham gia vào các Chương trình quản lý nhu cầu điện, Chương trình điều chỉnh phụ tải điện. Việc cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, cung cấp năng lượng bền vững, tạo việc làm, cải thiện sức khỏe, giảm ô nhiễm môi trường, giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Trong những năm gần đây, dưới tác động của biến đổi khí hậu, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, số liệu thống kê cho thấy những kỷ lục mới như “mưa lớn kỷ lục”, “nắng nóng kỷ lục”, “kỷ lục về lũ lụt” đã và đang xuất hiện ngày càng phổ biến ở Việt Nam. Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh tại Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 và Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020 tại Quyết định số 403/QĐ-TTg, trong đó nêu rõ yêu cầu đối với các hoạt động của ngành năng lượng cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Trong bối cảnh và các thách thức đối với ngành năng lượng nêu trên, dự án hỗ trợ kỹ thuật hợp tác với KOICA giai đoạn 2021-2025 là cần thiết. Kết quả các hoạt động của Dự án sẽ đóng góp vào thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình VNEEP3, Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh về đáp ứng nhu cầu năng lượng cho phát triển kinh tế-xã

hội, đảm bảo môi trường bền vững, giảm phát thải khí nhà kính. Nội dung hoạt động của Dự án với KOICA giai đoạn 2021-2025 được Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc xây dựng nhằm giải quyết các vấn đề, đòi hỏi thực tế của Việt Nam.

4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại

Để đảm bảo an ninh năng lượng, sử dụng năng lượng sạch, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững ngành năng lượng theo đúng định hướng, Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong muốn tìm kiếm dự án hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực để thúc đẩy đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh cấp tỉnh, phổ biến tuyên truyền về các giải pháp về tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh.

Trên cơ sở thành công của Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam” giai đoạn 2018-2019 và để đảm bảo thực hiện gắn kết toàn diện giữa khía cạnh phát triển kinh tế ngành gắn với xanh và sạch, Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật với KOICA về thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và mở rộng phạm vi về hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2021-2025.

Trong bối cảnh nguồn ngân sách nhà nước rất hạn chế, yêu cầu của Chính phủ về kiểm soát chặt nợ công để đảm bảo an toàn tài chính quốc gia, việc cấp ngân sách nhà nước cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật nói chung là khó khăn. Do đó, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại với tổng số tiền là 6,4 triệu USD (tương đương 148,064 tỷ đồng) của Chính phủ Hàn Quốc cho Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh” (sau đây gọi tắt là Dự án) là quý báu và cần thiết.

Nội dung hoạt động của Dự án đã được Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc xây dựng nhằm đóng góp vào các mục tiêu của Chương trình VNEEP3 và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh đối với lĩnh vực công nghiệp. Mục tiêu tổng quát của Dự án là đóng góp vào mục tiêu quốc gia về: (i) giảm cường độ năng lượng bằng cách cải thiện hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam; (ii) đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế; (iii) giảm phát thải khí nhà kính để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Dự án gồm 05 hợp phần, bao gồm Hợp phần 1: Lập các dự án đầu tư TKNL; Hợp phần 2: Hỗ trợ thực thi quy định định mức tiêu hao năng lượng và hướng dẫn kỹ thuật về tăng trưởng xanh; Hợp phần 3: Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý năng lượng của doanh nghiệp, đơn vị tư vấn năng lượng, các tổ

chức kinh tế-xã hội liên quan thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh cấp tỉnh; Hợp phần 4: Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho các tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng; Hợp phần 5: Phổ biến tuyên truyền về các giải pháp về SDNLTKHQ, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho các tỉnh. Các hợp phần được thiết kế chi tiết bao gồm: Khung kết quả, chỉ số đánh giá kết quả; kế hoạch hoạt động chi tiết để thực hiện cho từng kết quả; dự trù kinh phí, tổ chức thực hiện, quản lý tiến độ chất lượng, giám sát kiểm tra đánh giá Dự án.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh” giai đoạn 2021-2025 được xây dựng căn cứ vào:

(i) Yêu cầu đáp ứng nhu cầu năng lượng cho phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, giảm thiểu phát thải carbon theo Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, các yêu cầu, thách thức mà ngành năng lượng Việt Nam đang đối mặt.

(ii) Hàn Quốc là quốc gia thành công trong việc áp dụng mô hình công ty dịch vụ hiệu quả năng lượng (ESCO) để thúc đẩy thị trường đầu tư về TKNL. Do đó, hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các dự án đầu tư về SDNLTKHQ tại Việt Nam từ phía chuyên gia Hàn Quốc là rất quan trọng và có ý nghĩa thiết thực cho Việt Nam;

(iii) Kinh nghiệm thực hiện thành công của Dự án với KOICA “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam” giai đoạn 2018-2019 và mong muốn của phía Việt Nam tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật nhằm phát triển thị trường đầu tư dự án TKNL vừa thu hút các nguồn lực xã hội và đảm bảo minh bạch cho các bên tham gia thị trường;

(iv) Chính phủ Hàn Quốc mong muốn tiếp tục dùng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam thực hiện Dự án “Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh” giai đoạn 2021-2025. Đối với Việt Nam, kết quả các hoạt động của Dự án sẽ đóng góp vào thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình VNEEP3, Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh về đáp ứng nhu cầu năng lượng cho phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, giảm phát thải khí nhà kính.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Mục tiêu tổng quát của Dự án

Mục tiêu tổng quát của Dự án là đóng góp vào mục tiêu quốc gia về: (i) giảm cường độ năng lượng bằng cách cải thiện hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp Việt Nam; (ii) đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế và xã hội; (iii) giảm phát thải khí nhà kính để ứng phó với biến đổi khí hậu

Các mục tiêu cụ thể của Dự án

1. Tiếp tục mở rộng thực hiện kiểm toán năng lượng cho ít nhất 20 doanh nghiệp công nghiệp trong đó có doanh nghiệp FDI Hàn Quốc tại Việt Nam, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (FS) cho ít nhất 10 dự án đầu tư TKNL, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) cho ít nhất 05 dự án đầu tư TKNL và lập hồ sơ đề nghị vay vốn đầu tư cho 03-05 dự án này tiếp cận các nguồn tài chính của Dự án VEEIEs, Dự án VSUEE do WB tài trợ và các tổ chức/nguồn tài chính khác; Đề xuất mô hình đầu tư hiệu quả năng lượng ESCO cho Việt Nam;

2. Xây dựng và sửa đổi 03 quy định định mức tiêu hao năng lượng cho ngành/phân ngành có cường độ năng lượng lớn; Xây dựng và phổ biến rộng rãi 05 hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả năng lượng cho ngành/phân ngành và tăng trưởng xanh cho một số phân ngành công nghiệp và kinh tế.

3. Đào tạo và cấp chứng chỉ cho khoảng 200 cán bộ quản lý năng lượng của doanh nghiệp của 10 ngành/phân ngành công nghiệp, kiểm toán viên năng lượng và chuyên gia ESCO của các Trung tâm TKNL các tỉnh, các đơn vị tư vấn năng lượng, giảng viên các cơ sở đào tạo được lựa chọn dựa theo tiêu chí đào tạo của Hàn Quốc; Nâng cao năng lực cho các đơn vị dịch vụ HQNL (ESCO), Trung tâm TKNL về công nghệ TKNL tiên tiến, tư vấn đầu tư dự án TKNL và quản lý tài chính dự án TKNL.

4. Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP) sử dụng phương pháp Đường cong chi phí biên giảm phát thải (MACC) cho các tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng để đảm bảo đóng góp vào mục tiêu quốc gia về giảm phát thải KNK (NDC) và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (VGGS);

5. Quảng bá, phổ biến tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các giải pháp về SDNLTKHQ, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Để thực hiện mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, Dự án được thiết kế cho 05 hợp phần với kết quả đặt ra và chỉ số đánh giá như sau:

(i) Hợp phần 1: Lập dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng

Hợp phần 1 sẽ thực hiện kiểm toán năng lượng cho ít nhất 20 doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng bao gồm doanh nghiệp FDI Hàn Quốc tại Việt Nam, lập báo cáo tiền khả thi cho ít nhất 10 dự án đầu tư TKNL, lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho ít nhất 05 dự án đầu tư TKNL và lập hồ sơ đề nghị vay vốn cho 03-05 dự án đầu tư TKNL này tiếp cận các nguồn tài chính của Dự án VEEIEs và Dự án VSUEE do WB tài trợ và các tổ chức/nguồn tài chính cho giải ngân đầu tư.

Kết quả và chỉ số đánh giá của Hợp phần 1 đóng góp vào kết quả Dự án VEEIEs và Dự án VSUEE như sau:

Kết quả Dự án KOICA đóng góp kết quả Dự án VEEIEs tài trợ bởi WB							
Kết quả	Mức dự án						
Chỉ số kết quả							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Cơ sở	Năm1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Mục tiêu cuối kỳ
(i) Năng lượng tiết kiệm cả vòng đời dự án (MWh)	0	301.000	1.506.000	3.313.500	5.121.000	6.025.000	6.025.000
(ii) Số lượng doanh nghiệp đáp ứng công nghệ TKNL tiên tiến	0	2	4	8	15	25	25
Chỉ số kết quả lợi ích cho xã hội, môi trường							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Cơ sở	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Mục tiêu cuối kỳ
(iii) Số lượng được hưởng lợi trực tiếp (số lượng) (Core)	0	1.891	9.456	20.802	32.148	37.822	37.822
(iv) Tỷ lệ nữ giới được hưởng lợi (%)	0	8	10	15	15	15	15

(v) Lượng phát thải KNK hàng năm tránh được (Tấn CO ₂ quy đổi) (Tấn/năm)	0	241.500	1.208.500	2.659.000	4.109.500	4.835.000	4.835.000
(vi) Số dự án đầu tư TKNL được giải ngân	0	10	20	40	50	60	60

Kết quả Dự án KOICA đóng góp kết quả Dự án VSUEEs tài trợ bởi WB							
Khung kết quả							
Kết quả	Mức dự án						
Chỉ số kết quả của dự án							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Năm cơ sở	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Mục tiêu cuối kỳ
(i) Năng lượng tiết kiệm cả vòng đời dự án (MWh)	0	483	2.418.464	5.321.104	8.223.743	9.675.464	9.675.464
(ii) Số lượng doanh nghiệp đáp ứng công nghệ TKNL tiên tiến	0	3	6	13	24	40	40
Chỉ số kết quả lợi ích cho xã hội, môi trường							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Cơ sở	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Mục tiêu cuối kỳ
(iii) Số lượng được hưởng lợi trực tiếp (số lượng) (Core)	0	3	15	33	52	61	61
(iv) Tỷ lệ nữ giới được hưởng lợi (%)	0	13	16	24	24	24	24
(v) Lượng phát thải KNK hàng năm tránh được (Tấn CO ₂ tương đương quy đổi/năm)	0	388	1.940.713	4.270.051	6.599.389	7.764.459	7.764.459
(vi) Số dự án đầu tư TKNL được giải ngân	0	16	32	64	80	96	96

(ii) Hợp phần 2: Hỗ trợ thực thi quy định định mức tiêu hao năng lượng và hướng dẫn kỹ thuật về tăng trưởng xanh

Kết quả và chỉ số đánh giá của Hợp phần 2:

- Hỗ trợ Bộ Công Thương thực thi tuân thủ quy định SDNLTKHQ: Xây dựng và sửa đổi 03 quy định định mức tiêu hao năng lượng cho ngành/phân ngành công nghiệp có cường năng lượng lớn; Xây dựng và phổ biến 5 hướng dẫn kỹ thuật/ sổ tay kỹ thuật về hiệu quả năng lượng cho một số ngành/phân ngành công nghiệp và kinh tế;

- Hỗ trợ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực thi kế hoạch tăng trưởng xanh và hướng dẫn đầu tư xanh: Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh và hướng dẫn đầu tư xanh cho 2 ngành/phân ngành/vùng công nghiệp; xây dựng và phổ biến cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho đầu tư bền vững cho 2 phân ngành công nghiệp và kinh tế.

(iii) Hợp phần 3: Nâng cao năng lực liên quan tới đầu tư TKNL trong lĩnh vực công nghiệp và thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh

Kết quả và chỉ số đánh giá của Hợp phần 3:

- Cung cấp bộ giáo trình đào tạo cho chuyên gia quản lý năng lượng của doanh nghiệp và bộ giáo trình đào tạo cho chuyên gia ESCO và các Trung tâm TKNL các tỉnh;

- Đào tạo cho ít nhất 160 cán bộ quản lý năng lượng của doanh nghiệp sử dụng nhiều năng lượng; đào tạo và cấp chứng chỉ cho ít nhất 40 kiểm toán viên năng lượng và chuyên gia ESCO của các Trung tâm TKNL các tỉnh, các đơn vị tư vấn năng lượng, giảng viên các cơ sở đào tạo được lựa chọn dựa theo tiêu chí đào tạo của Hàn Quốc, bao gồm tham quan học tập ở Hàn Quốc;

- Cung cấp 02 bộ giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ cho cán bộ lập kế hoạch kinh tế-xã hội (về tích hợp tăng trưởng xanh) cấp tỉnh/thành phố, nâng cao năng lực về đấu thầu đầu tư xanh cho các cán bộ bộ ngành và cấp tỉnh liên quan;

- Tổ chức 05 khóa đào tạo về đầu tư xanh công trình công cộng, TKNL và tài chính xanh cho các tổ chức được lựa chọn, bao gồm tham quan học tập ở Hàn Quốc, đào tạo cho khoảng 300 cán bộ quản lý về lập và thực hiện Kế hoạch tăng trưởng xanh.

(iv) Hợp phần 4: Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP)

Kết quả và chỉ số đánh giá của Hợp phần 4:

- Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP) sử dụng phương pháp Đường cong chi phí biên giảm phát thải (MACC) cho 10 tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng;

- Lập báo cáo đầu tư công cho biến đổi khí hậu cho 02 tỉnh của Việt Nam.

(v) Hợp phần 5: Phổ biến tuyên truyền về các giải pháp về SDNLTKHQ và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của các tỉnh

Kết quả và chỉ số đánh giá của Hợp phần 5:

Phổ biến tuyên truyền rộng rãi về các giải pháp về SDNLTKHQ, kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho các tỉnh cụ thể gồm:

- 05 bộ tờ rơi về kết quả kiểm toán năng lượng (cho 05 lĩnh vực được chọn);
- 03 chương trình tọa đàm chuyên đề trên truyền hình quốc gia;
- 03 phim tài liệu về tăng trưởng xanh và 03 phim tài liệu về SDNLTKHQ;
- Tổ chức 09 hội thảo về giải pháp SDNLTKHQ và tăng trưởng xanh.

Đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế

Mục tiêu và các kết quả cụ thể của các hợp phần của Dự án đã được các đơn vị của Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường) tham gia thực hiện Dự án phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc và tư vấn quốc tế xây dựng nội dung để đảm bảo các kết quả thực hiện của 05 hợp phần nói trên được vận dụng vào nhiệm vụ của đơn vị phía Việt Nam, cụ thể:

Đối với Bộ Công Thương:

- Dự án hỗ trợ Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, các Sở Công Thương tăng cường thực thi quy định định mức tiêu hao năng lượng ở doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng để đóng góp vào mục tiêu TKNL cho phân ngành đặt ra trong Chương trình VNEEP3;

- Đảm bảo tính khả thi thực hiện dự án đầu tư TKNL ở các doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng tham gia Dự án vì có hỗ trợ của chuyên gia Hàn Quốc trong việc phân tích và xác định lựa chọn dự án có tiềm năng và hiệu quả kinh tế, hỗ trợ hồ sơ vay vốn và đặc biệt là hỗ trợ kết nối với nguồn vốn vay từ Dự án VEEIEs và Dự án VSUEE do WB tài trợ và Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản. Thành công của các Dự án đầu tư TKNL ở các doanh nghiệp sẽ lan tỏa, thúc đẩy phát triển thị trường đầu tư dự án TKNL vừa thu hút các nguồn lực xã hội và đảm bảo minh bạch cho các bên tham gia thị trường. Kết quả từ các dự án đầu tư TKNL sẽ đóng góp vào mục tiêu của quốc gia về giảm tiêu hao năng lượng, giảm phát thải KNK, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững;

- Thông qua hỗ trợ kỹ thuật về lập dự án đầu tư TKNL, hướng dẫn kỹ thuật, quy định mức tiêu hao năng lượng cho phân ngành, quản lý tài chính dự án đầu tư TKNL đảm bảo nâng cao năng lực cho hầu hết các đối tượng tham gia hoạt động SDNLTKHQ từ cơ quan quản lý thực thi tới đối tượng áp dụng (các doanh nghiệp công nghiệp), các đơn vị tư vấn, đơn vị dịch vụ năng lượng

ESCO... Từ đó đảm bảo tăng cường tính thực thi quy định pháp luật SDNLTKHQ;

- Đặc biệt, các hoạt động phổ biến tuyên truyền rộng rãi về hoạt động và kết quả hoạt động về thúc đẩy thị trường đầu tư TKNL, mô hình đầu tư ESCO, hướng dẫn kỹ thuật về công nghệ/giải pháp TKNL sẽ lan tỏa và tác động thúc đẩy thị trường đầu tư dự án TKNL tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội.

Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh sử dụng phương pháp MACC đảm bảo thống nhất phù hợp với mục tiêu quốc gia về giảm phát thải KNK và Kế hoạch quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Các hỗ trợ nâng cao năng lực về đầu tư và tài chính cho dự án xanh góp phần triển khai thực hiện trong thực tế;

- Các hoạt động phổ biến tuyên truyền rộng rãi về Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh đối với các tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng (ít nhất cho 10 tỉnh) sẽ lan tỏa và tác động thúc đẩy đầu tư xanh tới nhiều khu vực của cả nước.

Các chỉ số đánh giá kết quả các hoạt động của Dự án sẽ đóng góp vào thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình VNEEP3, Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh về đáp ứng nhu cầu năng lượng cho phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, giảm phát thải khí nhà kính.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Đối tượng thụ hưởng trực tiếp chính của Dự án này bao gồm:

(i) Bộ Công Thương: Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, các Sở Công Thương được nâng cao năng lực để quản lý và triển khai thực hiện giải pháp TKNL, tuyên truyền phổ biến hoạt động liên quan của Chương trình VNEEP3 trên toàn quốc; các trung tâm tiết kiệm năng lượng và các công ty dịch vụ năng lượng được nâng cao năng lực liên quan đến thực hiện hoạt động tư vấn và dịch vụ về TKNL, kiểm toán năng lượng, thực hiện chuẩn bị đầu tư và quản lý tài chính dự án TKNL; đặc biệt, các doanh nghiệp công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng được hỗ trợ về kiểm toán năng lượng, lập báo cáo nghiên cứu khả thi – đánh giá và ra quyết định đầu tư, hướng dẫn lập hồ sơ và thủ tục vay vốn đầu tư dự án TKNL, tiếp cận các nguồn tài chính của Dự án VEEIEs và Dự án VSUEE do WB tài trợ và các tổ chức/nguồn tài chính cho đầu tư dự án của doanh nghiệp.

Ngoài các đối tượng thụ hưởng trực tiếp nêu trên, sẽ có rất nhiều đối tượng liên quan cũng sẽ được hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án như: các bên liên quan thuộc khu vực công ở cấp trung ương là những cơ quan liên quan đến việc xây dựng khung thể chế, các quy định, hướng dẫn phát triển thị trường dịch vụ

năng lượng tại Việt Nam; các cơ quan thuộc khu vực công ở cấp tỉnh gồm các Sở quản lý ngành theo Luật SDNLTKHQ ở cấp tỉnh (ngoài Sở Công Thương, còn có các Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính...) tham gia vào quản lý nhà nước về SDNLTKHQ ở lĩnh vực liên quan, giám sát kiểm tra tuân thủ quy định pháp luật về SDNLTKHQ theo lĩnh vực ngành tại địa phương. Các viện, trường được hỗ trợ về đào tạo nâng cao năng lực liên quan tới Dự án.

(ii) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT): Cán bộ của Bộ KHĐT, Sở KHĐT các tỉnh được hỗ trợ trực tiếp về nâng cao năng lực trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đảm bảo thống nhất từ trung ương tới địa phương. Đặc biệt, các Sở KHĐT ở các tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng được hỗ trợ nâng cao năng lực về xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh đặc biệt về phương pháp luận khoa học, cách thu xếp nguồn lực và tổ chức để thực hiện.

Ngoài các đối tượng thụ hưởng trực tiếp nêu trên, sẽ có rất nhiều đối tượng liên quan cũng sẽ được hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án về nâng cao năng lực cũng như tham gia các hoạt động trong quá trình thực hiện, gồm: các bên liên quan thuộc khu vực công ở cấp trung ương, cấp tỉnh là những cơ quan liên quan đến việc thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tại Việt Nam; các viện, trường tham gia đào tạo nâng cao năng lực liên quan tới thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

(iii) Ngoài đối tượng trực tiếp trên, các tổ chức xã hội, các tổ chức giáo dục đào tạo và mọi người dân được hưởng các thông tin, chuyên đề về giải pháp TKNL, thị trường mới về đầu tư TKNL với mô hình công ty dịch vụ năng lượng ESCO, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và đầu tư xanh, các hỗ trợ đầu tư TKNL và đầu tư xanh.

(iv) Chính phủ Việt Nam: Dự án sẽ đóng góp để thực hiện mục tiêu của Chương trình VNEEP3; cam kết của Việt Nam về đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) tại Hội nghị COP 21 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước

Để đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án, một số hoạt động được thực hiện trước bao gồm:

- Từ tháng 3 năm 2020, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc làm việc với các đối tượng chính thụ hưởng của các hợp phần để tìm hiểu nhu cầu và xây dựng mục tiêu, hoạt động dưới các hợp phần của Dự án.

- Từ tháng 5 năm 2020, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc dự thảo tài liệu Văn kiện Dự án.

- Một số hoạt động khác phục vụ cho việc triển khai Dự án như:
- Dự kiến từ tháng 3/2021 đến tháng 6/2021, triển khai giai đoạn khởi động của Dự án bao gồm các công việc sau:
 - Thành lập Ban Chỉ đạo, Ban quản lý Dự án;
 - Tuyển cán bộ Dự án trong nước.
 - Ban hành quy chế hoạt động của Dự án;
 - Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 trình Ban Chỉ đạo phê duyệt.

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án cho năm đầu tiên

Ngay sau khi Văn kiện Dự án được phê duyệt, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với chuyên gia Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc, các tư vấn của Dự án xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án cho năm đầu tiên để trình Ban Chỉ đạo phê duyệt.

Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án được trình bày ở bảng sau:

TT	Hoạt động	Thời gian		Trách nhiệm	Chỉ số kết quả đầu ra
		Bắt đầu	Kết thúc		
I	Hợp phần 1: Lập dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng (cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án TKNL)				
1.1	Kiểm toán năng lượng cho doanh nghiệp công nghiệp	Tháng 6/2021	Tháng 9/2023	BCT	20 Báo cáo kiểm toán năng lượng
1.2	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án đầu tư TKNL (FS dự án TKNL)	Tháng 4/2022	Tháng 9/2024	BCT	10 Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và 05 báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án đầu tư TKNL
1.3	Lập hồ sơ đề nghị vay vốn	Tháng 4/2022	Tháng 6/2025	BCT	3-5 hồ sơ đề nghị vay vốn
II	Hợp phần 2: Hỗ trợ thực thi quy định định mức tiêu hao năng lượng và hướng dẫn kỹ thuật về tăng trưởng xanh				
2.1	Xây dựng và sửa đổi quy định định mức tiêu hao năng lượng cho 03 ngành/phân ngành công nghiệp có cường năng lượng lớn.	Tháng 4/2022	Tháng 3/2025	BCT	Khoảng 03 Thông tư
2.2	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả năng lượng cho 5 ngành/phân ngành công nghiệp	Tháng 4/2022	Tháng 3/2025	BCT	Khoảng 05 hướng dẫn kỹ thuật
2.3	Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh và hướng dẫn đầu tư xanh cho 2 ngành/phân ngành/vùng phát triển kinh tế của Việt Nam.	Tháng 4/2022	Tháng 3/2025	Bộ KHĐT	02 bộ (kế hoạch và hướng dẫn)
III	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực liên quan tới đầu tư TKNL trong lĩnh vực công nghiệp và thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh				
3.1	Cung cấp bộ giáo trình đào tạo cho cán bộ quản lý năng lượng của doanh nghiệp và bộ giáo trình đào tạo cho chuyên gia ESCO và các Trung tâm TKNL các tỉnh	Tháng 1/2022	Tháng 9/2022	BCT	02 bộ giáo trình đào tạo
3.2	- Đào tạo cho ít nhất 400 cán bộ quản lý năng lượng	Tháng 7/2022	Tháng 3/2025	BCT	Khoảng 08 khóa đào tạo trong nước và 02 khóa

	của doanh nghiệp sử dụng nhiều năng lượng. - Đào tạo và cấp chứng chỉ cho ít nhất 100 kiểm toán viên năng lượng và chuyên gia ESCO của các Trung tâm TKNL các tỉnh, các đơn vị tư vấn năng lượng, các cơ sở đào tạo được lựa chọn.				đào tạo thư mời (tham quan học tập ở Hàn Quốc)
3.3	Cung cấp 02 bộ giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ cho cán bộ lập kế hoạch kinh tế-xã hội (về tích hợp tăng trưởng xanh) cấp tỉnh/thành phố, nâng cao năng lực về đấu thầu xanh cho các cán bộ cấp tỉnh liên quan.	Tháng 1/2022	Tháng 9/2022	Bộ KHĐT	02 bộ giáo trình đào tạo
3.4	Tổ chức 5 khóa đào tạo về đầu tư xanh công trình công cộng, TKNL và tài chính xanh cho các tổ chức được lựa chọn	Tháng 7/2022	Tháng 3/2025	Bộ KHĐT	Khoảng 5 khóa đào tạo trong nước và 01 khóa thư mời (tham quan học tập ở Hàn Quốc)
IV	Hợp phần 4: Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP)				
4.1	Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP) cho 10 tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng.	Tháng 9/2021	Tháng 6/2025	Bộ KHĐT	10 bộ Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho 10 tỉnh
4.2	Lập báo cáo đầu tư công cho biến đổi khí hậu cho 02 tỉnh của Việt Nam.	Tháng 9/2021	Tháng 6/2025	Bộ KHĐT	02 Báo cáo
V	Hợp phần 5: Phổ biến tuyên truyền về các giải pháp về SDNLTKHQ và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của các tỉnh				
5.1	Bộ tờ rơi về kết quả kiểm toán năng lượng			BCT	05 bộ
5.2	Chương trình tọa đàm chuyên đề trên truyền hình quốc gia			BCT	03 bộ
5.3	Phim tài liệu về tăng			Bộ	03 bộ

	trường xanh trên truyền hình			KHĐT	
5.4	Phim tài liệu về SDNLTKHQ trên truyền hình			BCT	03 bộ
5.5	Tổ chức 09 hội thảo về giải pháp SDNLTKHQ và tăng trưởng xanh.			BCT & Bộ KHĐT	09 hội thảo

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá Dự án

a) Giám sát tiến độ thực hiện

Căn cứ trên Kế hoạch hoạt động hàng năm đã được Ban chỉ đạo phê duyệt bao gồm các hoạt động chi tiết, cụ thể ở từng hợp phần, kèm dự trù ngân sách và tiến độ thực hiện, Ban quản lý Dự án chịu trách nhiệm giám sát tiến độ thực hiện các hoạt động dự án và đảm bảo chất lượng các sản phẩm đầu ra của Dự án.

Ban quản lý Dự án phải báo cáo Ban chỉ đạo về tình hình thực hiện hàng năm, các chỉ số kết quả cụ thể của từng Hợp phần, mục tiêu của Dự án, tình hình giải ngân vốn ODA; đề xuất Ban chỉ đạo xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động năm nếu cần thiết.

b) Giám sát chi tiêu ngân sách

- Khoản chi tiêu dùng vốn ODA: KOICA là cơ quan thay mặt chính phủ Hàn Quốc quản lý giải ngân khoản tài trợ ODA cho Dự án. KOICA lập Kế hoạch hoạt động hàng năm bao gồm dự trù ngân sách Dự án chi tiết cho các hạng mục căn cứ trên hoạt động hàng năm và cả giai đoạn để trình Trưởng ban BCD phê duyệt. KOICA trực tiếp chi và báo cáo các chi tiêu thực tế cho các chuyên gia KOICA, tư vấn, các hội thảo, đào tạo và các chuyến công tác tham quan học tập ở Hàn Quốc; báo cáo tài chính chi tiết giải ngân các hạng mục trong các Báo cáo thực hiện năm. Báo cáo tài chính giải ngân hàng năm của Dự án theo các hoạt động của các hợp phần phải được KOICA báo cáo đầy đủ và giải trình rõ ràng.

- Về vai trò của Bộ Công Thương trong việc giám sát, quản lý các hoạt động thực hiện Dự án, đảm bảo sử dụng vốn ODA hiệu quả: Bộ Công Thương tham gia xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng năm; có ý kiến cho dự trù ngân sách chi cho các hạng mục tư vấn trong nước và quốc tế, chi phí khác (hội thảo, đào tạo), kinh phí cho đoàn công tác sang Hàn Quốc tương ứng; phê duyệt điều khoản tham chiếu kèm dự trù ngân sách hợp đồng tư vấn; phê duyệt sản phẩm hỗ trợ kỹ thuật do tư vấn thực hiện nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm của tư vấn. Báo cáo tài chính giải ngân hàng năm của Dự án, kể cả cho tư vấn phải được KOICA giải trình rõ ràng cho các ý kiến của Bộ Công Thương về các

khoản chi từ nguồn kinh phí ODA viện trợ không hoàn lại để đảm bảo sử dụng đúng mục đích và hợp lệ.

- Khoản chi tiêu dùng vốn đối ứng tiền mặt: Bộ Công Thương quản lý sử dụng và thực hiện báo cáo theo quy định hiện hành.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổ chức quản lý thực hiện, cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý Dự án

Hình thức tổ chức quản lý thực hiện Dự án cụ thể như sau:

- Ban chỉ đạo Dự án (BCĐ): BCĐ do Bộ Công Thương thành lập do Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững của Bộ Công Thương làm Trưởng ban, Lãnh đạo Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường của Bộ KHĐT làm Phó Trưởng ban. BCĐ có trách nhiệm phê duyệt Quy chế hoạt động của Dự án; Kế hoạch hoạt động hàng năm và phân bổ ngân sách Dự án cho các hoạt động, kể cả điều chỉnh nếu cần thiết.

- Ban quản lý Dự án (BQL): BQL do Bộ Công Thương thành lập, bao gồm các đại diện của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững của Bộ Công Thương, Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường của Bộ KHĐT và chia thành hai Nhóm quản lý phù hợp với lĩnh vực quản lý thực hiện của hai đơn vị. Giám đốc BQL Dự án là Phó Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững. BQL có trách nhiệm: i) báo cáo cho BCĐ để xem xét phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm và phân bổ ngân sách cho các hoạt động Dự án; ii) báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm của Dự án, kể cả giám sát đánh giá tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA; iii) phối hợp với các đại diện quản lý của Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc để phê duyệt: điều khoản tham chiếu các dự án hỗ trợ kỹ thuật, kết quả lựa chọn tư vấn, sản phẩm của tư vấn, giám sát đánh giá tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA, quản lý và điều phối thực hiện hoạt động Dự án.

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý thực hiện các nội dung hoạt động liên quan đến lĩnh vực SDNLTKHQ trong khuôn khổ Dự án, quản lý chi tiêu vốn đối ứng và điều phối chung Dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý thực hiện các nội dung hoạt động liên quan đến lĩnh vực tăng trưởng xanh trong khuôn khổ Dự án. Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp, chia sẻ thông tin để phục vụ công tác quản lý thực hiện Dự án; xây dựng, tổng hợp báo cáo theo quy định hiện hành của Việt Nam đối với các chương trình, dự án ODA; nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ trên cơ sở kết quả của Dự án trong lĩnh vực liên quan.

- Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững được Bộ Công Thương giao làm Chủ Dự án và có trách nhiệm quản lý hoạt động chung của toàn bộ Dự án. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững có trách nhiệm phối hợp

chặt chẽ với KOICA và Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường của Bộ KHĐT để tổng hợp báo cáo chung của các hợp phần để trình BCD phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch hoạt động, phân bổ ngân sách và báo cáo giám sát tình hình thực hiện hoạt động của Dự án. Bên cạnh đó, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững có trách nhiệm dự thảo các tài liệu của Dự án (dự thảo văn kiện, dự thảo hiệp định, vốn đối ứng trong nước hàng năm...), phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thu thập ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu sửa đổi trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc là cơ quan thay mặt chính phủ Hàn Quốc quản lý chi tiết khoản tài trợ 6,4 triệu USD, phối hợp với các đơn vị của Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia quản lý và điều phối thực hiện hoạt động Dự án, cung cấp thông tin cần thiết về tiến độ triển khai Dự án và giải ngân vốn ODA cho Bộ Công Thương để phục vụ công tác báo cáo theo quy định hiện hành của Việt Nam đối với các chương trình, dự án ODA.

- Cán bộ Dự án trong nước làm việc theo chế độ toàn thời gian, được bố trí kinh phí từ nguồn vốn ODA gồm: (i) Tư vấn kỹ thuật (hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện khung pháp luật liên quan để đảm bảo phù hợp với thực tế của Việt Nam; hỗ trợ góp ý các sản phẩm kỹ thuật của Dự án; (ii) cán bộ dự án hỗ trợ chung cho hoạt động của Dự án (quản trị, điều phối, các cuộc họp của BCD và BQL, các đoàn công tác trong nước và tham quan học tập nước ngoài và các hoạt động khác).

2. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện Dự án của chủ Dự án

Chủ Dự án là Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương. Đây là đơn vị đã được Bộ Công Thương giao làm chủ Dự án với KOICA giai đoạn 2017-2019, do đó có đủ năng lực và kinh nghiệm tổ chức, quản lý thực hiện Dự án với KOICA cho giai đoạn 2021-2025. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững cũng có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức, quản lý thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại của các nhà tài trợ nước ngoài khác như Đan Mạch, Đức, Nhật Bản, Hoa Kỳ... trong lĩnh vực năng lượng,

Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững đã có kinh nghiệm phối hợp hiệu quả với Bộ KHĐT thẩm định, phê duyệt và thực hiện nhiều dự án về tăng trưởng xanh, giảm phát thải KNK và đóng góp vào mục tiêu quốc gia NDC.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nguồn vốn và cơ chế tài chính sử dụng nguồn vốn cho Dự án như sau:

1. Đối với vốn ODA không hoàn lại 6,4 triệu USD (tương đương 148,064 tỷ đồng¹) : Đây là khoản viện trợ do Chính phủ Hàn Quốc trực tiếp chi tiêu và quản lý thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc. Vốn viện trợ ODA này được phân bổ cho các khoản chi tiêu cho các hoạt động dự kiến như sau:

Vốn viện trợ ODA dự kiến cho Dự án

Hoạt động	Nội dung	Kinh phí đề xuất * (USD)
Hợp phần 1: Lập dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng	20 kiểm toán năng lượng cho doanh nghiệp công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng (bao gồm chi phí cho tư vấn trong nước và chi phí hội thảo phổ biến hoạt động)	1.000.000
	10 Báo cáo tiền khả thi, 5 Báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án đầu tư TKNL	450.000
	3-5 hồ sơ đề nghị vay vốn	250.000
Hợp phần 2: Hỗ trợ thực thi quy định định mức tiêu hao năng lượng và hướng dẫn kỹ thuật về tăng trưởng xanh	Xây dựng và sửa đổi 03 quy định định mức tiêu hao năng lượng cho ngành/phân ngành công nghiệp có cường độ năng lượng lớn (bao gồm chi phí cho thẩm định đánh giá, tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	410.000
	Xây dựng 05 Hướng dẫn kỹ thuật về hiệu quả năng lượng cho một số ngành/phân ngành công nghiệp (bao gồm chi phí cho thẩm định đánh giá, tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	380.000
	Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh và Hướng dẫn đầu tư xanh cho 2 ngành/phân ngành/vùng phát triển kinh tế của Việt Nam (bao gồm chi phí cho thẩm định đánh giá, tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	310.000
Hợp phần 3: Nâng cao năng lực liên quan tới đầu tư TKNL trong lĩnh vực công nghiệp và thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh	Cung cấp bộ giáo trình đào tạo cho chuyên gia ESCO của các Trung tâm TKNL các tỉnh (bao gồm chi phí cho tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	250.000
	- Đào tạo cho ít nhất 160 cán bộ quản lý năng lượng của doanh nghiệp sử dụng nhiều năng lượng. - Đào tạo và cấp chứng chỉ cho ít nhất 40 kiểm toán viên năng lượng và chuyên gia ESCO của các Trung tâm TKNL các tỉnh, các đơn vị tư vấn năng lượng, các cơ sở đào tạo được lựa chọn (bao gồm tham quan học tập ở Hàn Quốc).	550.000

¹ Tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 02/2021 của Bộ Tài chính: 1 USD = 23.135 đồng.

	Cung cấp 02 bộ giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ cho cán bộ lập kế hoạch kinh tế-xã hội (về tích hợp tăng trưởng xanh) cấp tỉnh/thành phố. Nâng cao năng lực về đầu thầu xanh cho các cán bộ cấp tỉnh liên quan (bao gồm chi phí cho thẩm định đánh giá, tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	250.000
	Tổ chức 05 khóa đào tạo về đầu tư xanh công trình công cộng, TKNL và tài chính xanh cho các tổ chức được lựa chọn (bao gồm tham quan học tập ở Hàn Quốc).	350.000
Hợp phần 4: Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP)	Xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh (PGGAP) cho 10 tỉnh tiêu thụ nhiều năng lượng (bao gồm chi phí cho tư vấn trong nước và hội thảo tham vấn).	940.000
	Lập báo cáo đầu tư công cho biến đổi khí hậu cho 02 tỉnh của Việt Nam.	360.000
Hợp phần 5: Phổ biến tuyên truyền về các giải pháp về SDNLTKHQ và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của các tỉnh	Tờ rơi về kết quả kiểm toán năng lượng	10.000
	Chương trình tọa đàm chuyên đề trên truyền hình quốc gia	60.000
	Phim tài liệu về SDNLTKHQ, tăng trưởng xanh trên truyền hình	90.000
	Tổ chức các hội thảo về giải pháp SDNLTKHQ và tăng trưởng xanh	140.000
Quản lý dự án (M&V)** và dự phòng		600.000
Tổng		6.400.000
Trong đó:		
- Chi cho hoạt động SDNLTKHQ		3.445.000
- Chi cho hoạt động tăng trưởng xanh		2.355.000
- Quản lý dự án (M&V) và dự phòng		600.000

*Ghi chú: * Bảng kinh phí được ước tính theo các hoạt động dựa trên yêu cầu vắn tắt. Kinh phí trong bảng là tạm tính. Yêu cầu kinh phí chi tiết sẽ được xác định đầy đủ sau khi tài liệu văn kiện Dự án được thông qua.*

*** : Cán bộ Dự án trong nước gồm Tư vấn kỹ thuật và Cán bộ dự án.*

2. Đối với vốn đối ứng bằng tiền mặt cho Dự án

Ước tính vốn đối ứng bằng tiền mặt của Dự án cho cả giai đoạn 2021-2025 là 3,3255 tỷ đồng (tương đương gần 143.743 USD²) do Bộ Công Thương quản lý chi tiêu (chi tiết trong bảng dưới).

Hàng năm, Bộ Công Thương thực hiện thủ tục đăng ký vốn đối ứng, bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, chi hành chính sự nghiệp theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn đối ứng này được sử dụng để chi cho phụ cấp kiêm nhiệm của cán bộ Bộ Công Thương đảm nhiệm vị trí trong Ban chỉ đạo, Ban quản lý và các cán bộ tham gia quản lý, thực hiện Dự án cũng như các chi phí hoạt động thường xuyên (điện, nước, thông tin liên lạc...) của Văn phòng Quản lý Dự án.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của Dự án, chủ dự án đề xuất Bộ Công Thương và Bộ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí vốn đối ứng bằng tiền mặt cho hoạt động của Dự án.

Phần đối ứng bằng hiện vật cho Dự án

Ngoài vốn đối ứng bằng tiền mặt, Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ cung cấp một số đóng góp dưới dạng hiện vật (như nhân lực, văn phòng làm việc và trang thiết bị văn phòng...) được huy động để hỗ trợ việc quản lý và thực hiện Dự án.

Dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt của cả Dự án

ST T	Nội dung chi	Dự trù hàng năm	Số năm	Tổng số tiền (triệu VNĐ)	Tổng số tiền (USD)
I	Ban Quản lý Dự án	193,1	5	965,5	
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của văn phòng	144	5	720	
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn	356	5	1.640	
	Tổng kinh phí đối ứng cho cả Dự án			3.325,5	143,743

Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt

Đơn vị: triệu đồng

² Tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 02/2021 của Bộ Tài chính: 1 USD = 23.135 đồng.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số năm	Tổng số tiền
I	Ban Quản lý Dự án				193,10		965,5
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý Dự án, BCD (8 người x hệ số lương bình quân 4,5 *1.490.000 lương cơ bản x 30%)	Tháng	12	16,09	193,10	5	965,5
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của văn phòng				144,00		720,0
1	Cước điện thoại, internet, chuyển phát nhanh, kê khai thuế qua mạng	Tháng	12	4,00	48,00	5	240,0
2	Chi phí điện, nước, vệ sinh, bảo vệ	Tháng	12	4,00	48,00	5	240,0
3	Văn phòng phẩm (giấy in, giấy photocopy, mực in...)	Tháng	12	4,00	48,00	5	240,0
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn				356,00		1640,0
1	Chi phí giám sát hoạt động điều tra, khảo sát thực hiện liên quan đến SDNLTKHQ bao gồm: Chi phí đi lại (vé máy bay, thuê phương tiện), chi dịch tài liệu, chi phí phòng nghỉ công tác, công tác phí, chi phí thuê chuyên gia...	Lần	3	12,00	36,00	5	180,0
2	Chi họp triển khai nhiệm vụ đánh giá tiến độ, tổng kết giai đoạn thực hiện liên quan đến SDNLTKHQ (2 cuộc/năm)	Lần	2	5,00	10,00	5	50,0
3	Chi phí cho hoạt động khảo sát đánh giá liên quan đến SDNLTKHQ-Thuê chuyên gia	Lần	1	30,00	30,00	5	150,0
4	Chi phí lập báo cáo giám sát đánh giá triển khai thực hiện liên quan đến SDNLTKHQ	Lần	2	9,00	18,00	1	18,0
5	Chi hoạt động truyền thông, quảng cáo, tuyên truyền liên quan đến	Lần	1	35,00	35,00	5	175,0

[illegible]

3. Cơ chế tài chính

- **Đối với vốn ODA không hoàn lại 6,4 triệu USD (tương đương 148,064 tỷ đồng):** Đây là khoản viện trợ không hoàn lại do Chính phủ Hàn Quốc trực tiếp chi tiêu và quản lý thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc. Do vậy, không áp dụng cho Dự án này các điều kiện được vay lại của chủ Dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo với khoản tiền vay.

- **Đối với vốn đối ứng bằng tiền mặt 3,3255 tỷ đồng (tương đương gần 143.743 USD),** áp dụng cơ chế tài chính cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước (NSNN), bố trí từ nguồn chi hành chính sự nghiệp hàng năm của Bộ Công Thương theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Dự án hỗ trợ kỹ thuật này không sử dụng vốn vay nên không áp dụng các quy định về vốn vay ODA ưu đãi có ràng buộc của Nghị định 56/2020/NĐ-CP. Khoản viện trợ không hoàn lại này do Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc quản lý và chi tiêu trực tiếp.